

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số: /20 /HĐTD-OCB-DN

Hôm nay, ngày tháng năm, tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - [Chi nhánh/Phòng Giao dịch]....., Chúng tôi gồm có:

BÊN CẤP TÍN DỤNG:

Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh/Phòng Giao dịch.....

Mã số DN:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Do ông/Bà: Chức vụ:..... làm đại diện

Giấy ủy quyền số:..... ngày

(Sau đây được gọi là OCB và OCB cũng được hiểu là Ngân hàng TMCP Phương Đông hoặc bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống Ngân hàng TMCP Phương Đông)

BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG

Công ty:

Mã số DN: do cấp ngày

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Do ông/Bà: Chức vụ:..... làm đại diện

Giấy ủy quyền số:..... ngày

Các bên đồng ý ký kết hợp đồng tín dụng với những điều kiện và điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Hạn mức tín dụng

1. OCB đồng ý cấp cho Bên được cấp tín dụng một hạn mức tín dụng tối đa là(bằng chữ:), trong đó :

a) Hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa: (Bằng chữ:.....)

b) Hạn mức chiết khấu tối đa: (Bằng chữ:.....)

c) Hạn mức bao thanh toán tối đa: (Bằng chữ:) ;

d) Hạn mức bảo lãnh ngân hàng tối đa: (Bằng chữ:.....)

e) Hạn mức phát hành thư tín dụng - L/C tối đa: (bằng chữ:.....) ;

f) Và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và của OCB.

2. Hạn mức tín dụng trên đã bao gồm dư nợ và số dư của các khoản cho vay ngắn hạn, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh, phát hành L/C mà OCB đã cấp cho Bên được cấp tín dụng tính đến thời điểm ký Hợp đồng này .

3. Trường hợp OCB cấp các khoản tín dụng khác cho Bên được cấp tín dụng ngoài Hợp đồng tín dụng này, thì việc có khấu trừ hay không khấu trừ các khoản tín dụng khác vào Hạn mức tín dụng tại khoản 1 Điều này do OCB quyết định.

PCTT/QĐ-01/M01 (00;25/06/2018)

4. Kế hoạch rút vốn:
5. Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức
6. Thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng: kể từ ngày
7. Tài sản bảo đảm:
- Giá trị tài sản bảo đảm: (Bằng chữ:

Điều 2. Mục đích cấp tín dụng, sử dụng Hạn mức tín dụng

1. Mục đích cấp tín dụng theo hợp đồng này bao gồm:
 - a.
 - b.
2. Trong thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng, Bên được cấp tín dụng và OCB sẽ ký kết Khế ước nhận nợ, Hợp đồng cấp bảo lãnh, Hợp đồng chiết khấu, Hợp đồng bao thanh toán và/hoặc văn bản đề nghị, các văn bản, thỏa thuận khác để thỏa thuận cụ thể về việc cấp tín dụng theo từng nghiệp vụ cấp tín dụng phát sinh (gọi chung là “**Hợp đồng tín dụng cụ thể**”).
3. Không phụ thuộc vào thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng, thời hạn của từng khoản cấp tín dụng có thể nhỏ hơn, bằng hoặc lớn hơn Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng tùy theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. Riêng thời hạn cho vay không vượt quá tháng.
4. Bên được cấp tín dụng được cấp tín dụng nhiều lần trong thời hạn duy trì hạn mức, nhưng phải bảo đảm dư nợ và số dư cấp tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá hạn mức tín dụng tối đa tương ứng với từng nghiệp vụ cấp tín dụng và/hoặc hạn mức tín dụng tổng theo Điều 1 của Hợp đồng này, đồng thời không vượt quá giới hạn cấp tín dụng theo quy định của Pháp luật.
5. Bên được cấp tín dụng hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng tiền vay và các khoản tín dụng khác vào mục đích hợp pháp, đúng với thỏa thuận của các Bên. Nếu Bên được cấp tín dụng sử dụng sai mục đích, thì phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của OCB, trường hợp Bên được cấp tín dụng không thực hiện được theo đúng yêu cầu, OCB có quyền ngừng cấp tín dụng và Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ trả nợ trước hạn.

Điều 3. Lãi suất cấp tín dụng

1. Phương pháp tính lãi:
 - a) Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Số tiền lãi phải trả = (Số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày duy trì số dư thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất (%/năm)) : 365.
 - b) Tiền lãi được tính từ ngày giải ngân khoản cấp tín dụng hoặc ngày tiếp theo ngày giải ngân khoản cấp tín dụng theo lựa chọn của OCB phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không thanh toán lãi đúng hạn thì Bên được cấp tín dụng phải chịu phạt chậm trả lãi với Tiền lãi chậm trả bằng (=) Số tiền lãi chậm trả nhân (x) Số ngày chậm trả lãi nhân (x) lãi suất chậm trả (%/năm) chia cho (:) 365. Lãi suất chậm trả là 10%/năm hoặc theo mức lãi suất khác do OCB xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa pháp luật quy định. Số ngày chậm trả được tính từ ngày kể tiếp của ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày Bên được cấp tín dụng trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn.
3. Lãi suất trong hạn: Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể.
4. Lãi suất cấp tín dụng được điều chỉnh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. OCB được quyền ấn định lãi suất đối với các khoản cấp tín dụng tại Hợp đồng cấp tín dụng cụ thể cho các Kỳ điều chỉnh lãi suất khi xảy ra sự kiện biến động thị trường dẫn đến (i) lãi suất cho vay sau khi điều chỉnh thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu theo quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước; (ii) không tồn tại hoặc không thể xác định được lãi suất

cơ sở, lãi suất tham chiếu để điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng cụ thể.

5. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nhân với (x) lãi suất trong hạn tương ứng (%/năm) của khoản cấp tín dụng.

Điều 4. Phí cấp tín dụng

1. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ thanh toán cho OCB các khoản phí liên quan đến việc cấp tín dụng, bao gồm:
 - a) Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng:.....
 - b) Phí trả nợ trước hạn:
 - c) Phí cam kết rút vốn:.....
 - d) Các khoản phí khác:.....
2. Các khoản phí nêu tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và các mức phí trên có thể thay đổi theo quy định của OCB trong từng thời kỳ.
3. Các khoản phí đã được OCB thu sẽ không được hoàn trả lại trong bất kỳ lý do gì trừ trường hợp phải hoàn trả theo quy định pháp luật.

Điều 5. Giải ngân và phát hành cam kết bảo lãnh

1. OCB chỉ giải ngân (cho vay, chiết khấu, bao thanh toán), phát hành thư bảo lãnh, L/C khi Bên được cấp tín dụng đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a) Đề nghị giải ngân, phát hành thư bảo lãnh, L/C trong thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng và trong kế hoạch rút vốn đã thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - b) Bên được cấp tín dụng hoàn tất hồ sơ đề nghị giải ngân, phát hành thư bảo lãnh, L/C; hoàn tất các biện pháp bảo đảm, mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm và tài sản khác của Bên được cấp tín dụng theo quy định của OCB trừ trường hợp được OCB đồng ý bằng văn bản;
 - c) Báo trước cho OCB ít nhất ngày làm việc tính đến ngày dự định giải ngân, phát hành thư bảo lãnh, L/C và cung cấp kèm theo các hồ sơ, giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng khoản cấp tín dụng theo yêu cầu của OCB;
 - d) Bên được cấp tín dụng đáp ứng và thực hiện đúng, đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng được nêu trong Thông báo cấp tín dụng của OCB cho Bên được cấp tín dụng.
 - e) Nếu việc giải ngân bằng ngoại tệ thì Bên được cấp tín dụng phải đáp ứng tất cả các yêu cầu theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. Tỷ giá quy đổi từ loại tiền cấp tín dụng về loại tiền giải ngân do OCB quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật.¹
2. Phương thức giải ngân vốn vay: Các bên xác nhận đã hiểu rõ các phương thức giải ngân vốn vay theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của OCB. Tùy vào từng thời điểm nhận nợ, mục đích vay vốn các bên có thể lựa chọn một hoặc một số phương thức giải ngân vốn vay phù hợp với quy định pháp luật được nêu dưới đây:
 - a) Bằng tiền mặt để thanh toán cho bên thụ hưởng (kể cả trường hợp Bên được cấp tín dụng chính là Bên thụ hưởng).
 - b) Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để giải ngân vốn cho vay vào tài khoản thanh toán của Bên thụ hưởng.
 - c) Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để giải ngân vốn cho vay vào tài khoản thanh toán của Bên được cấp tín dụng.

Chi tiết phương thức giải ngân vốn vay được ghi nhận tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. Bên được cấp tín dụng cam kết thực hiện thanh toán đúng, đầy đủ cho Bên thụ hưởng (không

¹ Gõ Enter xuống dòng để bổ sung các nội dung khác theo phê duyệt cấp tín dụng, quy định OCB (nếu có).
PCTT/QĐ-01/M01 (00;25/06/2018)

phải là Bên được cấp tín dụng) khi nhận vốn vay bằng phương thức giải ngân tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên được cấp tín dụng.

Điều 6. Biện pháp bảo đảm cấp tín dụng

1. Các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng tại Hợp đồng này được thỏa thuận cụ thể tại các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm với OCB, bao gồm Hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản, văn bản cam kết bảo lãnh và/hoặc các hợp đồng, văn bản, thỏa thuận khác nhằm bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ/nghĩa vụ thanh toán của Bên được cấp tín dụng với OCB (được gọi chung là “**Hợp đồng bảo đảm**”).
2. Các hợp đồng bảo đảm mà Bên được cấp tín dụng cũng như Bên bảo đảm đã ký hoặc sẽ ký với OCB cũng được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
3. OCB có quyền lựa chọn bất kỳ biện pháp bảo đảm nào và bất kỳ tài sản bảo đảm nào để bảo đảm cho mỗi lần cấp tín dụng cũng như để xử lý tài sản nhằm thu hồi nợ (không phân biệt giá trị tài sản, thời gian đưa vào bảo đảm và thời gian đến hạn trả nợ).
4. Việc thay đổi, hủy bỏ một hoặc một số biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm nêu tại Điều này không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên bảo đảm còn lại và Bên được cấp tín dụng.
5. Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng không đồng thời là Bên bảo đảm, Bên được cấp tín dụng thừa nhận và đồng ý với nội dung Hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm mà không phụ thuộc vào việc Bên được cấp tín dụng có tham gia ký kết Hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm hay không.
6. Trường hợp Bên được cấp tín dụng được OCB cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm (một phần hoặc toàn bộ khoản cấp tín dụng), Bên được cấp tín dụng cam kết và đảm bảo với OCB các nội dung sau:
 - a) Đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang cho OCB được toàn quyền xử lý (hoặc chỉ định bên thứ ba xử lý) bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của Bên được cấp tín dụng trong trường hợp OCB thu hồi nợ vay (bao gồm cả thu hồi nợ trước hạn).
 - b) Thực hiện các biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của OCB nếu Bên được cấp tín dụng vi phạm các cam kết, thỏa thuận với OCB.

Điều 7. Trả nợ gốc, lãi, phí cấp tín dụng

1. Trả nợ gốc, trả lãi vay, phí: thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cụ thể
2. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi vay, phí (bao gồm trường hợp OCB thu hồi nợ trước hạn) hoặc vi phạm các thỏa thuận khác với OCB thì OCB được quyền thực hiện:
 - a) Phong tỏa tài khoản của Bên được cấp tín dụng (bao gồm tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, tiền gửi, sau đây gọi chung là “Tài khoản”) tại OCB hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng nơi Bên được cấp tín dụng có Tài Khoản phong tỏa, và/hoặc
 - b) Tự động trích tiền từ bất kỳ Tài khoản nào của Bên được cấp tín dụng tại OCB, và/hoặc đề nghị các tổ chức tín dụng nơi Bên được cấp tín dụng có Tài Khoản trích tiền từ Tài Khoản để chuyển khoản thanh toán nợ cho OCB. Nội dung này đồng thời có giá trị là một văn bản ủy quyền không hủy ngang của Bên được cấp tín dụng cho OCB; theo đó OCB được yêu cầu (lập lệnh chi, ủy nhiệm chi) các tổ chức tín dụng khác để trích tiền gửi từ tài khoản của Bên được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng đó về tài khoản tiền gửi của Bên được cấp tín dụng tại OCB để thu nợ. Nếu dư nợ cần thanh toán của Bên được cấp tín dụng là loại tiền khác so với loại tiền được trích từ Tài khoản của Bên được cấp tín dụng thì tỷ giá quy đổi từ loại tiền được trích từ Tài khoản là tỷ giá do OCB xác định vào thời điểm thu nợ.

- c) Xử lý tài sản bảo đảm và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thu hồi nợ (gồm nợ gốc, lãi, phí và các chi phí phát sinh) vào bất kỳ thời điểm nào.
3. Trường hợp ngày đến hạn thanh toán là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần của OCB, thì ngày làm việc tiếp theo là ngày đến hạn trả nợ. Số tiền lãi Bên được cấp tín dụng phải thanh toán được tính cho đến hết ngày thực tế Bên được cấp tín dụng trả hết nợ hoặc đến hết ngày liền kề trước ngày thực tế Bên được cấp tín dụng thanh toán hết khoản cấp tín dụng theo lựa chọn của OCB và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
 4. OCB được quyền quyết định thứ tự thu các khoản nợ sau: phí, tiền phạt vi phạm, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải trả khác (nếu có), tiền phạt chậm trả lãi, lãi trong hạn, nợ gốc. Riêng đối với trường hợp nợ quá hạn thì thu theo thứ tự: nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả, lãi trong hạn, nợ gốc trong hạn, các khoản phí/các khoản phải trả khác (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật
 5. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền đã được cấp tín dụng, trừ trường hợp OCB chấp thuận cho trả nợ bằng loại tiền khác phù hợp với quy định pháp luật, thì tỷ giá quy đổi do OCB xác định vào thời điểm thu nợ.
 6. Trong trường hợp OCB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoặc thanh toán L/C thay cho Bên được cấp tín dụng, Bên được cấp tín dụng phải nhận nợ vay vô điều kiện với OCB đối với số tiền OCB đã trả thay hoặc thanh toán L/C với thời hạn cho vay bắt buộc, kỳ hạn trả nợ, lãi suất áp dụng đối với số tiền trả thay do OCB được quyền đơn phương quyết định. Mức lãi suất cho vay áp dụng tối đa không vượt quá 150% lãi suất cho vay thông thường đang áp dụng đối với khoản vay có thời hạn tương ứng tại OCB. Sau khi Bên được cấp tín dụng nhận nợ vay bắt buộc OCB được toàn quyền quyết định thực hiện thu hồi số nợ vay (không phụ thuộc vào việc khoản nợ vay bắt buộc đã đến hạn hay chưa) theo cách thức nêu tại Khoản 2 Điều này.
 7. Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng được OCB bao thanh toán hoặc chiết khấu giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, Bên được cấp tín dụng cam kết và bảo đảm hoàn trả ngay và không điều kiện cho OCB khi OCB truy đòi số tiền đã cấp tín dụng nếu Bên có nghĩa vụ thanh toán khoản phải thu, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng từ chối hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ việc thanh toán cho OCB vì bất kỳ lý do nào.
 8. Bên được cấp tín dụng được trả nợ trước hạn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - a) Bên được cấp tín dụng chỉ được trả nợ trước hạn sau khi đã thông báo cho OCB và được OCB đồng ý. Bên được cấp tín dụng phải ghi rõ nội dung trả nợ trước hạn trong uỷ nhiệm chi, lệnh chuyển tiền hoặc chứng từ khác.
 - b) Bên được cấp tín dụng phải thanh toán lãi vay, phí trả nợ trước hạn và các phí phát sinh liên quan việc trả nợ trước hạn cho OCB khi trả nợ trước hạn trừ trường hợp OCB có thông báo khác (bao gồm trả nợ trước hạn theo yêu cầu của OCB). OCB được quyền tự động trích tiền từ Tài khoản của Bên được cấp tín dụng để thực hiện thu hồi khoản nợ, các khoản phí mà Bên được cấp tín dụng phải thanh toán khi thu hồi nợ trước hạn.
 - c) Bên được cấp tín dụng chỉ được trả nợ trước hạn từ ngày làm việc tiếp theo của ngày giải ngân khoản cấp tín dụng hoặc thời điểm khác được OCB chấp thuận.²

Điều 8. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Đến hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi, nếu Bên được cấp tín dụng chưa có khả năng trả nợ, thì phải gửi Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho OCB. Thời hạn gửi đề nghị chậm nhất là 07 ngày làm việc trước mỗi kỳ hạn trả nợ. Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ trong đó nêu rõ khả năng, thời hạn, nguồn trả nợ và kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh.
2. OCB xem xét, đánh giá phương án trả nợ của Bên được cấp tín dụng và các yếu tố khác mà OCB cho là cần thiết để quyết định:

² Gõ Enter xuống dòng để bổ sung các nội dung khác theo phê duyệt cấp tín dụng, quy định OCB (nếu có).

- a) Đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên được cấp tín dụng và các bên ký văn bản để xác định lịch trả nợ mới; hoặc
- b) Không đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp này, Bên được cấp tín dụng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã cam kết.

Điều 9. Chuyển nợ quá hạn

1. Đối với số dư nợ gốc đến hạn (bao gồm cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn) sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn khi:
 - a) Bên được cấp tín dụng không thanh toán số nợ gốc theo đúng thời hạn đã thỏa thuận và không được OCB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; hoặc
 - b) Bên được cấp tín dụng không thanh toán số nợ gốc theo đúng thời hạn OCB yêu cầu trong trường hợp Bên được cấp tín dụng phải trả nợ trước hạn và không được OCB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ
2. Ngay khi đến hạn thanh toán ghi trong văn bản đề nghị chiết khấu hối phiếu, nếu OCB không nhận được đầy đủ tiền thanh toán từ Ngân hàng nước ngoài và/hoặc Bên được cấp tín dụng mà không được OCB cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì OCB chuyển toàn bộ số tiền chiết khấu thực tế còn lại chưa được thanh toán sang nợ quá hạn và tiến hành các thủ tục truy đòi số tiền chiết khấu, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác từ Bên được cấp tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.
3. OCB thực hiện thông báo cho Bên được cấp tín dụng về việc chuyển nợ quá hạn, số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với nợ quá hạn và các nội dung khác OCB cho là cần thiết thông báo đến Bên được cấp tín dụng. Thời điểm chuyển nợ quá hạn để áp dụng lãi suất quá hạn do OCB ấn định và không phụ thuộc vào việc Bên được cấp tín dụng đã nhận thông báo chuyển nợ quá hạn từ OCB hay chưa.

Điều 10. Điều chỉnh hạn mức tín dụng, chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn

1. OCB được quyền quyết định điều chỉnh Hạn mức tín dụng (bao gồm cả hạn mức tín dụng tối đa của từng nghiệp vụ cấp tín dụng) hoặc ngưng cấp tín dụng/chấm dứt cấp tín dụng và/hoặc thu hồi nợ trước hạn đối với Bên được cấp tín dụng khi phát sinh một hoặc một số sự kiện sau:
 - a) Bên được cấp tín dụng cung cấp thông tin không kịp thời hoặc sai sự thật;
 - b) Bên được cấp tín dụng sử dụng khoản tín dụng sai mục đích đã thỏa thuận;
 - c) Bên được cấp tín dụng có thay đổi về hoạt động hoặc/và tổ chức (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, cổ phần hóa, thay đổi chủ sở hữu...) và/hoặc có thay đổi về cổ đông có quyền biểu quyết hoặc/và nhân sự chủ chốt (Người đại diện theo pháp luật, người điều hành...) có thể làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh và khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng mà không được OCB chấp thuận bằng văn bản hoặc không thực hiện đúng theo yêu cầu của OCB;
 - d) Người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
 - e) Thay đổi về tỷ giá ngoại tệ/giá mua bán vàng dẫn đến việc số tiền vay/cấp tín dụng vượt quá giá trị tài sản bảo đảm/giá trị nghĩa vụ được bảo đảm nếu loại tiền vay khác với loại tiền được dùng để xác định giá trị tài sản bảo đảm/giá trị nghĩa vụ được bảo đảm;
 - f) Bên được cấp tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép kinh doanh, Giấy phép thành lập, hoạt động); Bên được cấp tín dụng đang tiến hành thủ tục phá sản, giải thể; ngừng hoạt động hoặc không còn khả năng thanh toán nợ đến hạn;
 - g) Bên được cấp tín dụng vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng này;

- h) Bên được cấp tín dụng có khoản tín dụng tại OCB và/hoặc tại Tổ chức tín dụng khác bị chuyển sang nợ xấu;
 - i) Một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm bị xử lý theo hợp đồng bảo đảm, bị thu hồi, giải tỏa, phong tỏa theo quy định của Pháp luật; một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm bị mất, hư hỏng hoặc giảm giá trị theo định giá của OCB hoặc giá trị tài sản không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng này mà Bên được cấp tín dụng không bổ sung, thay thế biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của OCB;
 - j) Bên bảo lãnh cho Bên được cấp tín dụng từ chối hoặc không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đánh giá của OCB;
 - k) Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào trong Hợp đồng này hoặc các văn bản, thỏa thuận, cam kết liên quan khác với OCB.
 - l) Bên được cấp tín dụng thuộc đối tượng không được cấp tín dụng theo quy định của OCB và/hoặc quy định pháp luật
 - m) Việc duy trì khoản cấp tín dụng dẫn đến OCB vi phạm hoặc có khả năng vi phạm các quy định pháp luật, các quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - n) OCB được quyền thu hồi số tiền giải ngân theo văn bản thỏa thuận, cam kết giữa Bên được cấp tín dụng và OCB.
 - o) Theo yêu cầu của OCB tại bất kỳ thời điểm nào, khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng, ảnh hưởng đến tài sản bảo đảm hoặc ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của hệ thống Ngân hàng, theo đánh giá của OCB mà không cần phải chứng minh với Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm.
 - p) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc theo quy định tại Hợp đồng này.
2. OCB thực hiện thông báo về thời điểm chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời gian hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

Điều 11. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng

1. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin cho OCB trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này như sau:
 - a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình tổ chức, hoạt động, tài chính, tài sản của Bên được cấp tín dụng theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của OCB; đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho OCB;
 - b) Gửi cho OCB các báo cáo sau:
 - Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc báo cáo tài chính đã kiểm toán đối với trường hợp khách hàng phải lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; báo cáo tài chính theo hướng dẫn của OCB. Báo cáo phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ lập báo cáo;
 - Báo cáo giữa năm và hằng năm về tình hình sản xuất, kinh doanh;
 - Báo cáo khác liên quan đến việc sử dụng các khoản tín dụng theo phương án sử dụng vốn đã cung cấp cho OCB.
 - c) Thông báo cho OCB trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát sinh các sự kiện sau:
 - Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, thay đổi cổ đông, thành viên hợp danh, thành viên góp vốn từ

- 5% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp và gửi kèm theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc chứng từ thể hiện nội dung thay đổi nêu trên;
- Thay đổi mục đích, quy mô của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp tín dụng;
 - Tài sản bảo đảm không còn hoặc không còn đủ giá trị bảo đảm cho khoản tín dụng;
 - Có nguy cơ mất khả năng thanh toán hoặc phát sinh các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng.
2. OCB có quyền định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ, tình hình sản xuất, kinh doanh của Bên được cấp tín dụng và các vấn đề khác có liên quan đến các khoản cấp tín dụng. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để OCB thực hiện việc kiểm tra, giám sát này.
3. OCB có quyền cung cấp thông tin cho Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của OCB

1. OCB có các quyền sau:
- a) Mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm (đối với các tài sản phải mua bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm) và tính vào số tiền nợ của Bên được cấp tín dụng đối với OCB, trong trường hợp Bên được cấp tín dụng và hoặc bên thứ ba chậm hoặc không mua bảo hiểm theo yêu cầu của OCB;
 - b) Ngừng giải ngân và/hoặc chấm dứt cấp tín dụng cho Bên được cấp tín dụng theo quy định tại Điều 10 Hợp đồng này;
 - c) OCB được quyền thực hiện mua bán nợ, được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ của OCB phát sinh từ Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Bên được cấp tín dụng;
 - d) OCB được ủy thác hoặc ủy quyền cho bên thứ ba thu hồi nợ theo quy định pháp luật;
 - e) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.
2. OCB có nghĩa vụ sau:
- a) Cấp tín dụng cho Bên được cấp tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của Pháp luật.
 - c) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng

1. Bên được cấp tín dụng có các quyền sau:
- a) Được cấp tín dụng theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - b) Trả nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - c) Từ chối các yêu cầu của OCB, nếu các yêu cầu đó không đúng với thỏa thuận của các bên.
 - d) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.
2. Bên được cấp tín dụng có các nghĩa vụ sau:
- a) Sử dụng tiền vay và các khoản tín dụng khác đúng mục đích đã thỏa thuận tại Hợp đồng này; Báo cáo và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của OCB;
 - b) Trả đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ (nợ gốc, lãi, phí, khoản phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác liên quan) theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;

- c) Thực hiện trả nợ trước hạn một phần hoặc toàn bộ dư nợ theo yêu cầu của OCB nếu phát sinh các trường hợp phải trả nợ trước hạn đã thoả thuận tại Hợp đồng này và các thoả thuận cụ thể khác giữa hai Bên. Thông báo và phải được OCB đồng ý bằng văn bản trước khi tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp);
- d) Ký văn bản thoả thuận xử lý nợ với OCB trước khi thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp; giải thể, phá sản doanh nghiệp; đồng thời phải thực hiện các thay đổi đó theo đúng điều kiện, thủ tục do OCB yêu cầu;
- e) Mua bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm theo yêu cầu của OCB và chuyển toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm cho OCB; mua bảo hiểm tài sản khác, loại bảo hiểm khác của Bên được cấp tín dụng theo yêu cầu của OCB;
- f) Giao tài sản bảo đảm và phối hợp với OCB để xử lý tài sản bảo đảm hoặc thực hiện các biện pháp khác để thu hồi nợ đến hạn;
- g) Chấp nhận toàn bộ các điều kiện về nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng đối với người được OCB chuyển nhượng quyền thụ hưởng hợp đồng tín dụng (bán nợ);
- h) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật

Điều 14. Thỏa thuận khác

1. Tất cả các văn bản, thông báo giao dịch của các bên trong quá trình thực hiện, giải quyết tranh chấp Hợp đồng này được gửi theo địa chỉ, thông tin liên hệ nêu trong Hợp đồng này (hoặc theo địa chỉ, thông tin liên hệ khác được thông báo bằng văn bản của các bên), Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm thông báo cho OCB địa chỉ mới nếu có phát sinh sự thay đổi.
2. Mọi thông báo, thông tin trao đổi liên quan đến khoản cấp tín dụng tại Hợp đồng này, các Bên gửi đến cho nhau theo một trong các phương thức dưới đây:
 - a) Gửi trực tiếp và có ký nhận của bên nhận thông tin hoặc nhân viên của mỗi bên.
 - b) Gửi qua bưu điện hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ của mỗi bên.
 - c) Gửi qua email được cung cấp hoặc chỉ định của mỗi bên.
 - d) OCB gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại của người đại diện của Bên được cấp tín dụng hoặc người do Bên được cấp tín dụng chỉ định.
 - e) Gửi qua fax, phương tiện điện tử theo thoả thuận giữa các bên.

Mọi văn bản, tài liệu, thông báo được xem là đã nhận sau khi được gửi hoàn tất theo một trong các phương thức nêu tại khoản 2 Điều này trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không phụ thuộc vào kế hoạch rút vốn thoả thuận tại Điều 1, nếu sau 03 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng này mà Bên được cấp tín dụng không sử dụng khoản tín dụng đã cấp thì Hợp đồng tín dụng này có thể bị chấm dứt hoặc tiếp tục thực hiện sẽ do OCB xem xét quyết định.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật Việt Nam.
5. Trường hợp OCB khởi kiện Bên được cấp tín dụng để giải quyết tranh chấp, các Bên thống nhất rằng địa chỉ của Bên được cấp tín dụng là địa chỉ nêu tại Hợp đồng này. Nếu Bên được cấp tín dụng thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho OCB bằng văn bản, thì được hiểu là Bên được cấp tín dụng cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và OCB có quyền yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên được cấp tín dụng chấp nhận việc cơ quan giải quyết tranh chấp xét xử vắng mặt Bên được cấp tín dụng, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên được cấp tín dụng.
6. Bên thua kiện có nghĩa vụ thanh toán mọi chi phí liên quan đến vụ án, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản án phí, lệ phí, chi phí tố tụng, bao gồm cả phí thuê luật sư, toàn bộ phí thi hành án và các khoản chi phí liên quan khác mà Bên kia phải bỏ ra để giải quyết vụ án.

7. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

Trường hợp Bên được cấp tín dụng vi phạm nghĩa vụ, cam kết theo thỏa thuận tại Hợp đồng này thì phải chịu phạt vi phạm 08% giá trị Hợp đồng tín dụng trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Hợp đồng tín dụng và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên được cấp tín dụng gây ra cho OCB theo quy định của pháp luật. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm phải thanh toán tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho OCB trong thời hạn 05 ngày kể từ khi OCB yêu cầu.

8. Hai Bên cam kết thực hiện đúng mọi điều khoản của Hợp đồng này. Các tài liệu liên quan đến Hợp đồng này như: Giấy đề nghị vay vốn, giấy đề nghị phát hành thư tín dụng, giấy cam kết sử dụng vốn vay, Hợp đồng bảo đảm, kế ước nhận nợ, thông báo điều chỉnh lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các tài liệu liên quan khác là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
9. Bằng Hợp đồng này, Bên bảo đảm (nếu có) đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang việc ký kết các Hợp đồng tín dụng cụ thể do Bên được cấp tín dụng và OCB ký kết mà không cần thêm bất kỳ sự xác nhận nào của Bên bảo đảm.
10. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên được cấp tín dụng hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, các nghĩa vụ khác cho OCB theo quy định của hợp đồng này và các cam kết, thỏa thuận mà Bên được cấp tín dụng đã ký với OCB.
11. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp đồng này, được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
12. Ngôn ngữ chính sử dụng tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm và các văn bản, thỏa thuận khác liên quan giữa Bên được cấp tín dụng và OCB là tiếng Việt. Trường hợp hợp đồng này được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung tiếng Việt có giá trị ưu tiên áp dụng.
13. Hợp đồng này được lập thành (0...) bản, Bên được cấp tín dụng giữ(0...) bản, OCB giữ (.....) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN OCB

BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG